

Số: /BC-UBND

Hải Hậu, ngày tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP huyện Hải Hậu giai đoạn 2021-2025; mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030

Phần thứ nhất

Kết quả tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn năm 2021-2025

Thực hiện Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu nhiệm kỳ 2020-2025, UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 19/8/2021 về việc tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021-2025, qua gần 5 năm thực hiện đã đạt được kết quả cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai

- UBND huyện đã tổ chức hội nghị triển khai Kế hoạch; UBND các xã, thị trấn căn cứ nội dung Kế hoạch của huyện xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch của địa phương; Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các mô hình tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

- Hàng năm, trên cơ sở chủ trương của Trung ương, Tỉnh; UBND Huyện bổ sung vào kế hoạch và chương trình công tác của năm, triển khai, phân công, giao nhiệm vụ cho ngành nông nghiệp huyện phối hợp các xã, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ phục vụ và bảo vệ sản xuất, thực hiện công tác quản lý nhà nước.

- Lãnh đạo Huyện ủy, UBND huyện thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo. Tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch thường xuyên được kiểm điểm, đánh giá tại các Hội nghị giao ban hàng tháng của UBND huyện để bổ sung, điều chỉnh kịp thời các nội dung để Kế hoạch đạt hiệu quả.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền kế hoạch hành động tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP.

- Thông qua công tác tuyên truyền thực hiện các tiêu chí nông thôn mới (NTM) nâng cao, NTM kiểu mẫu và các hội nghị triển khai công tác, các lớp tập huấn, UBND huyện đã lồng ghép tuyên truyền về Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP huyện Hải Hậu cho các cơ sở sản xuất, HTX dịch vụ nông nghiệp, doanh nghiệp và nhân dân trong huyện.

- Tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách về tam nông, kế hoạch thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp và phát triển sản phẩm OCOP trên Trang thông

tin điện tử của huyện và các xã, thị trấn để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ mục tiêu, nội dung, vai trò, tầm quan trọng của việc thực hiện kế hoạch, lộ trình triển khai hàng năm và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm.

- Xây dựng nhiều phóng sự, bản tin để đưa tin các mô hình tiêu biểu về tái cơ cấu nông nghiệp.

2. Các cơ chế, chính sách hỗ trợ

- Cấp tỉnh: Hàng năm hỗ trợ 01 triệu đồng/ha đất trồng lúa cho các xã, thị trấn để chi chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và nâng cấp cơ sở vật chất đồng lúa. Hỗ trợ và thưởng cho các sản phẩm OCOP đạt từ 3- 4 sao từ 16- 20 triệu đồng. Hỗ trợ xây dựng mô hình đạt tiêu chuẩn VietGap. Hỗ trợ xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch, chăn nuôi tiết kiệm nước.

- Cấp huyện: Hàng năm hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng mô hình máy cấy, máy sấy (40- 60 triệu đồng/01 máy cấy; 60- 80 triệu đồng/1 giàn máy sấy lúa) thông qua cơ chế hỗ trợ và khen thưởng xây dựng NTM. Hỗ trợ tư vấn hoàn thiện hồ sơ sản phẩm OCOP, từ nguồn kinh phí sự nghiệp NTM cấp trên phân bổ.

- Một số hộ nông dân, HTX tham gia các dự án, đề tài ứng dụng khoa học kỹ thuật do Sở Khoa học - Công nghệ tỉnh triển khai, như: Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm soát môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản; chọn lọc và nhân rộng giống lạc đỏ; dự án sản xuất rau hữu cơ,...

- Vận động các công ty, doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất với nông dân, HTX và hỗ trợ giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi cho nông dân, HTX xây dựng mô hình.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Tái cơ cấu nông nghiệp của huyện được tập trung thực hiện theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh thị trường của nông thủy sản, thực phẩm; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tái cơ cấu nông nghiệp đi đôi với phát triển các sản phẩm OCOP, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện NTM kiểu mẫu.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch:

- Tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp - thủy sản (theo giá so sánh 2010) năm 2024 đạt 3.966 tỷ đồng (tăng 479 tỷ đồng so năm 2020 và tăng 1,48% so kế hoạch). Năm 2025 ước đạt trên 4.100 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp - thủy sản giai đoạn 2021-2025 đạt 3,27 %/năm (kế hoạch 3,2 %/năm, tăng 0,07 % kế hoạch). Năm 2025 ước đạt 3%.

- Giá trị thu nhập 01 ha đất canh tác (bao gồm cả diện tích đất trồng trọt và diện tích nuôi trồng thủy sản) năm 2024 đạt 223 triệu đồng (tăng 43 triệu so năm 2020 và đạt kế hoạch). Năm 2025 ước đạt 230 triệu đồng/ha.

- Tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt (giá SS năm 2010) năm 2024 đạt 1.392 tỷ đồng (tăng 134 tỷ đồng so năm 2020).

Năng suất lúa cả năm 2024 đạt 130,94 tạ/ha (tăng 2,94 tạ/ha so năm 2020 và tăng 9,12% so kế hoạch).

- Tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi (giá SS năm 2010) năm 2024 đạt 1.140 tỷ đồng (tăng 93 tỷ đồng so năm 2020).

+ Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 31.568 tấn (tăng 9.254 tấn so năm 2020 và đạt 129,2 % so kế hoạch).

+ Tổng đàn gia cầm năm 2024 đạt 1,603 triệu con (tăng 53 nghìn con so năm 2020 và đạt 82,2% so kế hoạch).

- Tổng giá trị sản xuất ngành thủy sản (giá SS năm 2010) năm 2024 đạt 1.280 tỷ đồng (tăng 227 tỷ đồng so năm 2020).

+ Sản lượng khai thác hải sản năm 2024 đạt 22.574 tấn (tăng 1.659 tấn so năm 2020 và đạt 91,13% so kế hoạch).

+ Sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2024 đạt 23.706 tấn (tăng 6.554 tấn so năm 2020 và đạt 119,3 % so kế hoạch).

- Sản phẩm OCOP năm 2024 đạt 123 sản phẩm đạt 3 sao trở lên, trong đó có 26 sản phẩm đạt 4 sao và 01 sản phẩm đạt 5 sao (tăng 53 sản phẩm so năm 2020, đạt 136,7% so kế hoạch và kế hoạch là 90 sản phẩm).

- Số HTX nông nghiệp, thủy sản hoạt động theo Luật HTX năm 2012 đến năm 2024 là 75 HTX (tăng 19 HTX so năm 2020).

- Số mô hình tái cơ cấu nông nghiệp, thủy sản năm 2024 đạt 686 mô hình (tăng 483 mô hình so năm 2020 và đạt 89,56% so kế hoạch).

- Hoàn thành 11/15 chỉ tiêu của Bộ tiêu chí giám sát đánh giá về tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 (tăng 01 tiêu chí so kế hoạch).

(Chỉ tiêu của Trung ương: Hoàn thành ít nhất 9/15 chỉ tiêu của Bộ tiêu chí giám sát đánh giá về tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

Các nội dung tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021-2025 đối với từng lĩnh vực cụ thể như sau:

2.1. Lĩnh vực trồng trọt

Tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt được tập trung thực hiện theo hướng hình thành các vùng cánh đồng lớn, sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung hiệu quả và bền vững; phát triển các cây trồng chủ lực có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng cao theo chuỗi giá trị, sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, hữu cơ, hướng hữu cơ, VietGap; ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất; tiếp tục xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết mới theo lộ trình với các sản phẩm chủ lực của địa phương, đồng thời lựa chọn các sản phẩm có thế mạnh, có tiềm năng để thực hiện chu trình phát triển sản phẩm OCOP.

- Kết quả chung: Diện tích sản xuất lúa cả năm của năm 2024 đạt 19,774 ha (giảm 430 ha so năm 2020); năng suất lúa cả năm năm 2024 đạt 130,94 tạ/ha (tăng 2,94 tạ/ha so năm 2020 và tăng 9,12% so kế hoạch). Diện tích sản xuất cây rau màu hàng năm duy trì ổn định 7.310 ha ha⁽¹⁾. Giá trị thu nhập 01 ha đất trồng trọt năm 2024 đạt 163 triệu đồng (đạt kế hoạch). Tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt (giá SS năm 2010) năm 2024 ước đạt 1.392 tỷ đồng (tăng 134 tỷ đồng so năm 2020).

- Kết quả tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt:

+ Đến nay toàn huyện có 42 cánh đồng lớn, vùng sản xuất hàng hóa tập trung (đạt 113,5% so kế hoạch, kế hoạch là 37 vùng), tổng diện tích 1.300 ha/14.500 ha đất canh tác, trong đó:

++ 27 vùng trồng lúa tại 21 xã, quy mô 30-35 ha/vùng/xã; đạt 870 ha/9.900 ha đất trồng lúa; 100% số vùng được cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, được cấp mã vùng trồng để truy xuất nguồn gốc theo TCCS 774:2020/BVTV về quy trình thiết lập và giám sát vùng trồng (tăng 100% số vùng so năm 2020).

++ 04 vùng sản xuất rau củ quả (cây lạc đỏ, cà rốt, bắp cải, rau ăn lá khác...), quy mô 10 ha trở lên/01 vùng (tại Thịnh Long 2 vùng, Hải Hòa, Hải An); đạt 110 ha/1.800 ha cây rau màu các loại.

++ 07 vùng sản xuất cây dược liệu (cây đinh lăng, cây thìa canh), quy mô 5 ha trở lên/01 vùng; sản xuất theo tiêu chuẩn GapWho (tại Hải Lộc, Hải Quang, Hải Đông, Hải Châu, Hải Ninh, Hải Giang và Hải An); đạt 160 ha/255 ha trồng cây đinh lăng và cây thìa canh.

++ 04 vùng sản xuất cây ăn quả như ổi lê, bưởi, cau..., quy mô 5 ha trở lên/01 vùng (tại Hải Tân, Hải Đường, Hải Long, Hải Tây); đạt 160 ha/1.700 ha cây ăn quả các loại. Vùng trồng ổi lê tại xã Hải Tân, Hải Long được cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap.

+ Có 21% khối lượng sản phẩm chủ lực được liên kết sản xuất (kế hoạch 30% khối lượng nông sản chủ lực); đa số cánh đồng lớn, vùng sản xuất tập trung được liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

+ Các tiến bộ kỹ thuật đã áp dụng trong thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt, gồm:

++ Cơ cấu giống lúa sản xuất các năm qua có sự chuyển biến rõ rệt, tỷ lệ gieo cấy nhóm giống lúa thơm, lúa chất lượng cao, phù hợp nhu cầu thị yếu thị trường chiếm trên 90% diện tích. Đặc biệt nhóm lúa thơm ST24, ST25 được nhân rộng tại tất cả các xã, thị trấn, năm 2024 diện tích đạt 1.651 ha/vụ (bằng 17% so tổng diện tích gieo của 1 vụ) tăng 80% so với năm 2020; là giống chất lượng gạo ngon, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; khả năng chống chịu khá tốt với sâu bệnh. Đây là

⁽¹⁾ Trong đó: vụ Xuân 2.892 ha, vụ Hè thu, vụ Đông 1.774 ha.

sự chuyển biến tích cực trong cơ cấu giống lúa của huyện, nhằm nâng cao phẩm chất gạo, đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ lúa, gạo.

++ Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất lúa, đến nay khâu gieo cấy cơ giới hóa được gần 40% diện tích, khâu làm đất, thu hoạch được cơ giới hóa trên 98% diện tích. Đến nay toàn huyện có 107 mô hình máy cấy - mạ khay (tăng 70 mô hình so với năm 2020) cấy được 1.900 ha lúa/vụ (đạt 19% diện tích gieo cấy lúa); 12 mô hình máy sấy lúa công nghiệp (tăng 12 mô hình so với năm 2020), góp phần khắc phục những khó khăn mà người nông dân gặp phải trong quá trình sản xuất lúa, đảm bảo chất lượng sản phẩm sau khi thu hoạch; 03 mô hình sử dụng máy bay không người lái (tại Hải Lộc, Hải Tân và Hải Xuân) để phun thuốc phòng trừ sâu bệnh.

++ Phát triển 8 mô hình chuỗi liên kết sản xuất lúa giống, lúa thương phẩm chất lượng cao thông qua liên kết giữa các công ty, doanh nghiệp ⁽²⁾ với các hộ trồng lúa; năm 2024 diện tích đạt 920 ha, trong đó: 550 ha vụ Xuân ⁽³⁾ và 370 ha vụ Mùa (tăng so năm 2020 là 560 ha).

++ Hình thành và mở rộng diện tích sản xuất hữu cơ và hướng hữu cơ: Năm 2024 đạt 1.380 ha, trong đó: 1.325 ha trên cây lúa và 55 ha trên cây ăn quả (tăng 100% diện tích so năm 2020) ⁽⁴⁾. Mô hình sản xuất hữu cơ và hướng hữu cơ có chi phí sản xuất thấp hơn so với sử dụng phân hóa học, sâu bệnh nhẹ hơn, năng suất tương đương đối chứng, góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, và phát triển bền vững.

++ Diện tích sản xuất cây dược liệu theo tiêu chuẩn Gaccp-Who đạt 105 ha (tăng 35 ha so với năm 2020); nhiều diện tích trồng cây dược liệu, trồng rau màu đã áp dụng hệ thống tưới nước tự động, bán tự động, phủ nilon đen để giảm chi phí sản xuất.

++ Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghiệp thực hiện xong đề tài phục tráng giống lạc đỏ tại thị trấn Thịnh Long.

++ Các tiến bộ kỹ thuật canh tác được áp dụng rộng rãi trong trồng cây ăn quả, như: bón phân cân đối, tỉa cành tạo tán, điều tiết nước, kim hãm sinh trưởng... để điều khiển rải vụ thu hoạch. Sử dụng các chế phẩm sinh học phòng trừ ruồi đục trái, phòng trị bệnh đốm nâu trên thanh long; đưa vi sinh vật vào trong phân hữu cơ như: vi sinh vật cố định đạm, nito, phân giải lân phân,.. Ứng dụng

⁽²⁾ Công ty CP giống cây trồng Tiên Hải, Công ty CP giống cây trồng Thủ Đô, Công ty TNHH Toàn Xuân, Công ty TNHH Cường Tân, Công ty CP sản xuất và TM TH Xuân Trường, Công ty CP Nông sản Tiên Vua.

⁽³⁾ Gồm: Sản xuất 55 ha lúa lai với Công ty CP sản xuất và TMTH Xuân Trường tại xã Hải Hưng. Sản xuất 45 ha lúa ST24 với Công ty TNHH Toàn Xuân tại xã Hải Lộc, Hải Thanh, Hải Hưng, Hải Đường... Sản xuất 32 ha gạo sạch BT7 với công ty TNHH Toàn Xuân, tại xã Hải An, Hải Phúc. Sản xuất 25 ha giống ST25 với Công ty CP Nông sản Tiên Vua tại các xã Hải Cường, Hải An. Sản xuất 125 ha giống Hồng Đức, KOJI với Công ty TNHH Cường Tân tại xã Hải Đông, Hải Thanh. Sản xuất 15 ha giống lúa TĐ25 với Công ty CP giống cây trồng Thủ Đô tại xã Hải Trung; Sản xuất 33 ha giống lúa Tiên Hải 1 với Công ty CP giống cây trồng Tiên Hải tại xã Hải Phúc, Hải Thanh, TT Thịnh Long ...

⁽⁴⁾ Tập trung tại các xã: Hải An, Hải Đông, Hải Ninh, Hải Quang, Hải Thanh, Hải Đường, Hải Phú, Hải Giang, Hải Trung, Hải Tân, Hải Long...

công nghệ bao trái ⁽⁵⁾ để hạn chế được tổn thương cho vỏ trái, giảm tỷ lệ bệnh, tác động của côn trùng, cải thiện màu sắc vỏ trái, hạn chế nám nắng và hạn chế lượng thuốc bảo vệ thực vật có trên trái cây.

- Việc chuyển đổi linh hoạt đất lúa theo Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/07/2019 và Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ chưa đạt kế hoạch, cụ thể:

TT	Công thức chuyển đổi	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
		Kế hoạch	DT đã CĐ	Kế hoạch	DT đã CĐ	Kế hoạch	DT đã CĐ	Kế hoạch	DT đã CĐ	Kế hoạch	DT đã CĐ
I. Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		409		316		297		301		273	
II. Kết quả thực hiện											
1	Chuyển đổi sang cây hàng năm (ha)			192,45	0	212,49	80,18	290.95	0	170.83	
2	Chuyển đổi sang cây lâu năm (ha)			95,31	0	95,31	30,13	144.8	0	0	
3	Chuyển sang trồng lúa kết hợp NTTS (ha)			103,57	0	103,57	19,04	105.5	0	41.5	
Tổng kết quả (ha):		0	0	391,33	0	411.37	129,35	541.3	0	212.33	

Việc chuyển đổi linh hoạt đất lúa gặp khó khăn do các xã chưa quy được vùng từ 2 ha trở lên hoặc chưa thống nhất được các hộ trong cùng 1 vùng để thực hiện cùng một công thức chuyển đổi.

- Phát triển sản phẩm OCOP trong lĩnh vực trồng trọt: Đến nay có tổng số 56 sản phẩm OCOP thuộc lĩnh vực trồng trọt (gồm gạo, miến, mì, tinh bột, trà, rượu, nấm, đông trùng hạ thảo, ôi lê, cà tím, lạc đỏ, bánh kẹo...), trong đó: 05 sản phẩm đạt 4 sao và 51 sản phẩm đạt 3 sao.

2.2. Lĩnh chăn nuôi

Tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi của huyện được thực hiện theo hướng bố trí lại các vùng chăn nuôi trang trại tập trung xa khu dân cư phù hợp quy hoạch NTM giai đoạn 2021-2030, tiến tới không có trang trại trong khu dân cư; cơ cấu lại đàn vật nuôi đảm bảo tính hiệu quả, bền vững và phù hợp yêu cầu của thị trường trong nước, xuất khẩu; xây dựng các trang trại liên kết cung cấp nguyên liệu cho các

⁽⁵⁾ Sử dụng bao PE (polyethylene); bao vải không dệt (polypropylene spunbonded non-woven fabric); bao vi lỗ BOPP (Biaxially oriented polypropylene film),...

doanh nghiệp chế biến xuất khẩu, trang trại sản xuất, cung ứng con giống có chất lượng cao tại địa phương; kiểm soát hiệu quả dịch bệnh trên đàn vật nuôi.

- Kết quả chung: Tổng đàn lợn (không kể lợn sữa - thời điểm 01/10/2024), ước đạt 98.620 con (giảm 20,4% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 44.880 con so với kế hoạch năm), chăn nuôi lợn tập trung chủ yếu tại các trang trại quy mô công nghiệp; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 31.568 tấn (tăng 9.254 tấn so năm 2020 và đạt 129,2 % so kế hoạch). Đàn gia cầm 1,603 triệu con (tăng 0,053 triệu con so năm 2020 và giảm 0,347 triệu con so kế hoạch). Tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi (giá SS năm 2010) năm 2024 ước đạt 1.140 tỷ đồng (tăng 93 tỷ đồng so năm 2020).

- Kết quả tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi:

+ Trong quy hoạch chung xây dựng xã, thị trấn giai đoạn 2021-2030, có 04 vùng chăn nuôi tập trung được quy hoạch (tăng 02 vùng so năm 2020).

+ Hiện nay có 83 trang trại chăn nuôi ⁽⁶⁾ (tăng 19 trang trại so năm 2020).

Trang trại chăn nuôi phân theo chủng loại, cụ thể:

TT		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Trang trại lợn	73	52	41	44
2	Trang trại gia cầm	19	19	16	21
3	Trang trại trâu, bò, dê	8	14	6	6
4	Trang trại tổng hợp	17	6	10	12
Tổng số trang trại chăn nuôi:		117	91	73	83

Đa số trang trại ở mức quy mô nhỏ và vừa; số đầu gia súc, gia cầm trong các trang trại biến động theo giá thị trường hàng năm; 100% số trang trại chăn nuôi thực hiện tốt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học.

+ Duy trì liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với 4 công ty, doanh nghiệp chuyên thu mua sản phẩm chăn nuôi phục vụ chế biến xuất khẩu ⁽⁷⁾.

+ Tiếp tục duy trì và nhân rộng 03 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trứng gà, trứng vịt trên địa bàn huyện ⁽⁹⁾.

+ Phát triển 08 trang trại và cơ sở chuyên sản xuất cung ứng con giống lợn, giống gia cầm có chất lượng cao ở các xã ⁽¹⁰⁾.

⁽⁶⁾ Trong đó: 44 trang trại lợn; 6 trang trại trâu, bò, dê; 21 trang trại gia cầm, 12 trang trại tổng hợp.

⁽⁷⁾ Gồm: Công ty CP liên doanh Nippon zoki (thu mua thô thịt tại xã Hải Trung, Hải Tây, Hải Tân, Hải Minh..., số lượng 30.000- 35.000 con/năm, sản lượng 60- 70 tấn); Công ty TNHH CJ Vina Agri (thu mua lợn thịt từ 350- 400 tấn/năm); Công ty TNHH Công Danh xã Hải Sơn (thu mua lợn sữa, lợn choai trên 75.000 con/năm, 250 tấn/năm); Công ty CP Nông nghiệp xanh Hải Hà (tiêu thụ lợn mảnh, trên 800 con/năm, trên 100 tấn/năm)...

⁽⁹⁾ Sản xuất trứng gà, trứng vịt theo tiêu chuẩn VietGAP: Tại Công ty TNHH Công Phượng (xã Hải Xuân); HTX chăn nuôi và thương mại Hà Thanh (thị trấn Thịnh Long); HTX dịch vụ - chăn nuôi - NTTS Hải Thanh (xã Hải Thanh) mỗi năm cung cấp từ 8 - 10 triệu quả trứng ra thị trường, lợi nhuận đạt 2 tỷ đồng/năm.

⁽¹⁰⁾ Gồm: xã Hải Hưng, Hải An, Hải Giang, Hải Tây, Hải Sơn, Hải Nam, Hải Tân.

+ Các mô hình chăn nuôi theo tiêu chuẩn sạch, chăn nuôi an toàn sinh học tiếp tục nhân rộng tới chăn nuôi nông hộ. Xây dựng được 7 cơ sở an toàn dịch bệnh với bệnh Dịch tả lợn và bệnh Lở mồm long móng ở các xã (giảm 9 cơ sở so với năm 2020 và đạt 17,5% kế hoạch của giai đoạn 2021-2025) ⁽¹¹⁾.

- Phát triển sản phẩm OCOP trong chăn nuôi: Đến nay có tổng số 14 sản phẩm OCOP thuộc lĩnh vực chăn nuôi, trong đó: 03 sản phẩm đạt 4 sao và 11 sản phẩm đạt 3 sao.

2.3. Lĩnh vực thủy sản

Tái cơ cấu lĩnh vực thủy sản được thực hiện theo hướng giảm dần số phương tiện khai thác gần bờ, cải hoán, nâng cấp tàu cá để tăng kích thước, công suất tàu khai thác xa bờ, ứng dụng công nghệ trong khai thác, bảo quản sản phẩm, tăng chất lượng, hiệu quả khai thác kết hợp với bảo vệ nguồn lợi thủy sản và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU); đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ cao, từng bước mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản thâm canh và bán thâm canh, an toàn môi trường, dịch bệnh, ứng phó biến đổi khí hậu gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; nâng cao năng lực chế biến, chế biến sâu sản phẩm thủy sản.

- Kết quả chung: Tổng sản lượng thủy sản năm 2024 đạt 46.280 tấn (tăng 21,57% so với năm 2020), trong đó: Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 23.706 tấn (tăng 6.554 tấn so năm 2020 và đạt 119,3 % so kế hoạch); Sản lượng khai thác đạt 22.574 tấn (tăng 1.659 tấn so năm 2020 và đạt 91,13% so kế hoạch). Tổng giá trị sản xuất ngành thủy sản (giá SS năm 2010) năm 2024 đạt 1.280 tỷ đồng (tăng 227 tỷ đồng so năm 2020).

- Kết quả tái cơ cấu lĩnh vực thủy sản:

+ Về khai thác thủy sản:

Năm 2024, toàn huyện có 623 phương tiện khai thác thủy sản (giảm 07 phương tiện so với năm 2020); trong đó tàu cá xa bờ là 211 tàu (tăng 11 tàu cá xa bờ so với năm 2020, kế hoạch năm 2024 là 285 tàu), cụ thể:

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số	630	632	645	636	623
- Tàu xa bờ	200	195	192	189	211
- Tàu vùng lộng	39	36	31	29	23
- Phương tiện khai thác ven bờ	391	401	422	422	388

Từ năm 2021 đến nay đã có 64 tàu cá xa bờ được đóng cải hoán, nâng cấp, mua mới thay thế tàu cũ; giải bản, xóa đăng ký trên 30 tàu cá xa bờ cũ hỏng,

⁽¹¹⁾ Cụ thể: Hải Sơn (02 cơ sở), Hải Tân (02 cơ sở), Hải Lý (01 cơ sở) và Hải An (02 cơ sở)..

không hoạt động; 170/211 tàu cá xa bờ đã áp dụng công nghệ hầm bảo quản tiên tiến bằng vật liệu PU (tăng 78 tàu so với năm 2020).

Công tác phòng, chống khai thác IUU được tăng cường, đạt hiệu quả. Công tác kiểm tra, kiểm soát khai thác IUU đã được cơ quan chức năng quan tâm và đã xử phạt nghiêm nhiều trường hợp vi phạm về không duy trì VMS, không khai báo khi tàu rời cảng, không cập cảng cá chỉ định, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành của các tổ chức, cá nhân hoạt động nghề cá.

Có 207/211 tàu cá xa bờ đã được lắp đặt thiết bị GSHT (đạt tỷ lệ 98,1%; tăng 18% so với năm 2020, kế hoạch 100%); đến hết năm 2024 huyện đã xử phạt 64 tàu cá xa bờ vi phạm mất kết nối thiết bị giám sát hành trình với số tiền là 1.707 triệu đồng; hoạt động khai thác hải sản được giám sát chặt chẽ qua hệ thống giám sát hành trình, các chủ tàu cá xa bờ đã chấp hành quy định phòng, chống khai thác IUU. Từ năm 2022 đến nay, tình trạng tàu cá vi phạm pháp luật về khai thác thủy sản đã giảm qua các năm, nhất là không có tàu cá của huyện khai thác thủy sản trái phép vùng biển nước ngoài hoặc bị nước ngoài bắt giữ.

Các đội tàu cá khai thác xa bờ đã liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với các hợp tác xã, các cơ sở thu mua, chế biến thủy sản. Các hiệp hội, HTX, tổ đội khai thác thủy sản được duy trì, hoạt động hiệu quả, là đầu mối quan trọng để tuyên truyền các quy định của Nhà nước đến ngư dân (gồm 3 Hiệp hội nghề cá, 04 HTX khai thác thủy sản, 10 tổ đội khai thác hải sản). Có 122 cơ sở thu mua, chế biến hải sản khai thác, nhiều cơ sở đã tích cực nâng cấp cơ sở sản xuất, sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

Về dịch vụ hậu cần nghề cá: Trên địa bàn huyện có 01 cảng cá loại I (Cảng cá Ninh Cơ), 01 cảng cá loại III (Cảng cá Công ty TNHH Thành Vui), 01 cơ sở đóng tàu cá vỏ thép (Công ty TNHH đóng tàu Thịnh Long), 03 cơ sở đóng tàu vỏ gỗ, 12 cơ sở kinh doanh ngư lưới cụ, 122 cơ sở chế biến, kinh doanh hải sản. Dịch vụ hậu cần nghề cá đang hoàn thiện, đáp ứng cơ bản nhu cầu hiện nay của hoạt động nghề cá; tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân khai thác hiệu quả và tránh trú bão an toàn; ổn định và nâng cao giá trị sản phẩm khai thác.

+ Về nuôi trồng thủy sản: Diện tích, vùng nuôi trồng thủy sản qua các năm được giữ ổn định với tổng diện tích 2.286 ha; có 34 vùng nuôi tập trung với tổng diện tích trên 750 ha, quy mô mỗi vùng trên 10 ha. Diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh đạt 780 ha (tăng 120 ha so với năm 2020), cụ thể:

++ Nước ngọt nội đồng: Diện tích nuôi trên 1.800 ha, có 19 vùng NTTS tập trung với gần 400 ha ⁽¹²⁾; diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh đạt 365 ha (tăng 120 ha so với năm 2020); đối tượng nuôi chủ yếu vẫn là cá truyền thống, các đối tượng khác có giá trị kinh tế cao ⁽¹³⁾.

⁽¹²⁾ Tập trung chủ yếu tại xã Hải Lộc, Hải Hòa, Hải Xuân, Hải Châu, Thịnh Long, Hải An, Hải Thanh, Hải Quang...

⁽¹³⁾ Như nuôi cá diêu hồng, trắm đen, lóc, chim trắng, vược nước ngọt, tôm.

++ Nước mặn lợ ven biển: Diện tích nuôi 486 ha, có 15 vùng nuôi tập trung với 405 ha tại các xã ven biển, ven đê ⁽¹⁴⁾; diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh giữ ổn định 394 ha; đối tượng nuôi đều là các loại có giá trị kinh tế cao ⁽¹⁵⁾.

Có 12 HTX và trên 20 tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản tham gia tích cực trong việc tổ chức sản xuất, hỗ trợ cung ứng đầu vào và tiêu thụ sản phẩm, là cầu nối trung gian giữa người nuôi với Nhà nước và doanh nghiệp, cơ sở thu mua.

Có 357 mô hình ứng dụng kỹ thuật nuôi trong nhà bạt, ứng dụng công nghệ cao để nuôi trong bể, ứng dụng tin học trong quản lý ao nuôi (tăng 237 mô hình so với năm 2020, kế hoạch là 370 mô hình) ⁽¹⁶⁾; đang phát triển thêm mô hình thuần dưỡng cá vượt nước mặn lợ để nuôi trong ao nước ngọt và trồng lúa kết hợp nuôi cua rạm, cua rốc tại xã Hải Giang, Hải An.

Có 14 cơ sở sản xuất giống thủy sản (tăng 02 trại so với năm 2020), đang từng bước chủ động sản xuất tại chỗ con giống tại địa phương ⁽¹⁹⁾.

- Tái cơ cấu lĩnh vực thủy sản gắn với phát triển sản phẩm OCOP: Có 52 sản phẩm ngành thủy sản được công nhận đạt sản phẩm OCOP từ 3- 4 sao (tăng 24 sản phẩm mới so năm 2020), trong đó có 18 sản phẩm 4 sao và 34 sản phẩm 3 sao. Sản phẩm chủ yếu là tươi sống, sơ chế, chế biến sâu.

2.4. Lĩnh vực chế biến nông thủy sản

- Toàn huyện Hải Hậu có 1.669 cơ sở chuyên chế biến nông sản, thủy sản ⁽²⁰⁾, giảm 40 cơ sở so với năm 2020; quy mô và sản lượng chế biến của các cơ sở năm sau cao hơn năm trước, nhất là lĩnh vực chế biến thủy sản. Trong đó có 89 cơ sở chế biến được Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tiếp tục phát triển sản xuất, chế biến các sản phẩm nông lâm thủy sản chủ lực của huyện có tính cạnh tranh cao như gạo chất lượng, dược liệu, nước mắm, mắm tép, sứa... góp phần tạo giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông lâm thủy sản tiêu dùng trong nước và hướng tới xuất khẩu.

2.5. Phát triển sản phẩm OCOP

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được tổ chức triển khai sâu rộng đến từng cơ sở sản xuất, HTX, doanh nghiệp trên địa bàn toàn huyện nên số sản phẩm OCOP được UBND tỉnh công nhận nhiều nhất tỉnh Nam Định. Đến hết năm 2024, toàn huyện Hải Hậu đã có 123 sản phẩm được công nhận đạt từ 3 sao trở lên (tăng 53 sản phẩm so năm 2020, đạt 136,7% kế hoạch, kế hoạch năm 2024

⁽¹⁴⁾ Tập trung tại xã Hải Nam, Hải Phúc, Hải Đông, Hải Lý, Hải Chính, Hải Triều, Hải Hòa, Thịnh Long...

⁽¹⁵⁾ Như tôm thẻ chân trắng, tôm sú, cua biển, cá vượt, cá mú...

⁽¹⁶⁾ Gồm: Có 60 hộ nuôi tôm trong nhà bạt với tổng số trên 100 ao (tăng 40 hộ, 60 ao so với năm 2020). Có 47 hộ, cơ sở áp dụng nuôi tôm trong bể với tổng số trên 700 bể (tăng 27 hộ, 500 bể so với năm 2020). Có trên 240 ao nuôi tôm ứng dụng công nghệ tin học để giám sát ao nuôi và điều khiển quạt nước từ xa (tăng 160 ao so với năm 2020).

⁽¹⁹⁾ Đối tượng sản xuất chủ yếu là: giống ngao, hào, giống ếch, baba, ương giống tôm, cua, cá nước mặn lợ...

⁽²⁰⁾ Gồm: 1.552 cơ sở chế biến nông sản; 122 cơ sở chế biến thủy sản.

là 90 sản phẩm), trong đó: Có 122 sản phẩm về lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và 01 sản phẩm về lĩnh vực du lịch.

Có 01 sản phẩm đã được công nhận sản phẩm 5 sao (sản phẩm du lịch của Chi nhánh Hải Hậu - Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Ecohost), 26 sản phẩm đạt 4 sao (kế hoạch đến hết năm 2025 là 40 sản phẩm) và 96 sản phẩm đạt 3 sao.

Sản phẩm OCOP của huyện Hải Hậu chiếm 23,3% so tổng số sản phẩm toàn tỉnh Nam Định (đạt 123/529 so tổng sản phẩm của tỉnh), sản phẩm đa dạng thuộc nhiều nhóm sản phẩm như: Chế biến từ thủy sản (gồm: Nước mắm, mắm tôm, sứa, chả cá, chả mực...). Chế biến từ nông sản (gồm: Bột gạo, miến dong, tinh bột sắn, tinh bột nghệ, rượu, bánh kẹo...). Chế biến từ dược liệu (gồm: Nấm linh chi, đinh lăng, dây thìa canh, nấm đông trùng hạ thảo...). Chế biến từ sản phẩm chăn nuôi (gồm: Giò, chả, xúc xích...).

Đa số các sản phẩm OCOP có doanh thu và thu nhập năm sau cao hơn năm trước; hình thức bán hàng đa dạng (trên kênh thương mại điện tử, youtube, facebook, trực tiếp...). Mỗi xã có ít nhất một sản phẩm OCOP còn thời hạn.

Năm 2022, đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ Nam Định đã tiến hành hỗ trợ đăng ký bảo hộ thương hiệu và phát triển thương mại cho các sản phẩm OCOP; có 40 sản phẩm OCOP của 20 cơ sở sản xuất được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận bảo hộ thương hiệu.

2.6. Tổ chức phát triển sản xuất

Đến nay toàn huyện có 75 HTX nông nghiệp tại 24 xã, thị trấn ⁽²¹⁾, tăng 21 HTX so với năm 2020. Tổng vốn điều lệ đạt 61,5 tỷ đồng và doanh thu đạt 163 tỷ đồng/năm ⁽²²⁾.

Thu nhập bình quân của các thành viên từ 2,2- 3 triệu đồng/tháng. Nhiều HTX tích cực liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tham gia chu trình phát triển sản phẩm OCOP.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều HTX nông nghiệp còn lúng túng trong định hướng hoạt động và đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, chưa có sản phẩm dịch vụ tốt để đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng hóa. Tài sản, vốn, quỹ của HTX ít, quy mô nhỏ lẻ, không có trụ sở, phương án sản xuất kinh doanh chưa tốt.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Huyện ủy và sự chỉ đạo, thực hiện quyết liệt của UBND huyện, các ngành, các xã, thị trấn, sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; sự đồng thuận, tích cực hưởng ứng của người dân nên việc thực hiện

⁽²¹⁾ Gồm: 42 HTX dịch vụ NN; 10 HTX NT thủy sản; 6 HTX SX và CB dược liệu; 4 HTX KT hải sản; 4 HTX chăn nuôi; 4 HTX SX và CB nông sản; 3 HTX dịch vụ môi trường; 2 HTX dịch vụ tổng hợp.

⁽²²⁾ Như: HTX nuôi trồng thủy sản Hải Điền (xã Hải Chính) doanh thu 17 tỷ đồng/năm; HTX dịch vụ làng nghề thủy sản Minh Hải (xã Hải Triều) doanh thu 16,5 tỷ đồng/năm; HTX dịch vụ nông nghiệp Hải Thanh (xã Hải Thanh) doanh thu 3,2 tỷ đồng/năm...

tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện thời gian qua đạt được nhiều kết quả tích cực: Đã từng bước thay đổi phương thức sản xuất, không ngừng cải tiến và áp dụng các tiến bộ khoa học vào canh tác (chọn các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao và dinh dưỡng, chọn giống mới, canh tác trong nhà lưới, nhà màng, hệ thống thủy canh, tưới phun tự động, áp dụng quy trình sản xuất theo chuẩn GAP,...); chất lượng sản phẩm nông nghiệp ngày càng được nâng cao, giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế; đã hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản; các HTX dịch vụ nông nghiệp phải thay đổi để thích ứng với tình hình mới theo hướng chủ động, linh hoạt, sáng tạo, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, là điểm tựa tin cậy và vững chắc của người nông dân.

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP cùng với Chương trình xây dựng NTM đã giúp thay đổi diện mạo nông thôn và cải thiện đời sống của người dân. Do đó, huyện đã, đang và sẽ tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng NTM, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

- Các chỉ tiêu quan trọng trong kế hoạch tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021-2025, đến nay đều đạt và vượt chỉ tiêu.

2. Tồn tại và hạn chế

- Một số tiêu mục trong kế hoạch tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021-2025 xây dựng quá cao, chưa phù hợp với thực tiễn (như: chuyển đổi linh hoạt đất lúa, chuyển đổi đất muối sang nuôi trồng thủy sản, tổng đàn gia cầm, số tàu khai thác xa bờ,...).

- Sản xuất nông nghiệp của huyện có chuyển biến, phát triển theo hướng tích cực, tuy nhiên chưa thật sự đi vào chiều sâu, nhưng chưa bền vững, sức cạnh tranh chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng của huyện. Tốc độ đổi mới các hình thức sản xuất còn chậm. Liên kết tiêu thụ nông sản còn mang tính nhỏ lẻ thiếu tính bền vững.

- Chưa thu hút được nhà đầu tư lớn để đẩy mạnh phát triển các ngành hàng tái cơ cấu, sản phẩm của các ngành hàng nông nghiệp chủ lực chủ yếu bán ở dạng thô, khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường thấp, nên giá trị kinh tế chưa cao, một số ngành hàng chậm phát triển do giá cả và thị trường không ổn định.

- Việc nhân rộng mô hình hiệu quả vào sản xuất chưa đồng đều giữa các địa phương.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Xuất phát điểm ngành nông nghiệp thấp, sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều công trình đầu tư lâu ngày xuống cấp. Giá thành đầu tư vào sản xuất ngày càng gia tăng, đầu ra sản phẩm biến động, không bền vững, một số nông sản giá xuống thấp, nhất là cá, lúa,... Biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, thời tiết cực đoan xảy ra cường độ cao, nghiêm trọng tác động lớn

đến sản xuất nông nghiệp; tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ bùng phát, lây lan.

- Đại dịch Covid-19 kéo dài đến giữa năm 2022, đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, thủy sản do phải thực hiện giãn cách xã hội.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác chỉ đạo, điều hành ở một số xã, thị trấn chưa quyết liệt, đặc biệt việc thay đổi phương thức sản xuất theo hướng an toàn, giá trị, chưa tạo ra sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh cao. Việc chế biến, bảo quản, quản lý chất lượng nông sản sau thu hoạch, xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thị trường còn nhiều bất cập. Tư duy người dân chậm đổi mới, còn sản xuất nhỏ lẻ; các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp dù có chuyển biến nhưng vẫn chậm đổi mới, chưa phát triển sản xuất hàng hóa ở nông thôn; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất so với đòi hỏi thực tế vẫn chưa đáp ứng yêu cầu.

4. Một số bài học kinh nghiệm

- Công tác tuyên truyền, vận động nông dân là giải pháp chủ yếu để phát huy vai trò chủ thể của người dân trong việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, qua đó làm cho dân hiểu, dân tin, dân hưởng ứng tham gia đóng góp và chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình, từ đó tạo nên sự thành công trong việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Xác định vai trò chủ thể của doanh nghiệp, đơn vị kinh tế hợp tác và hộ nông dân là yếu tố hàng đầu trong công tác thực hiện; quan tâm đến công tác quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm việc phát triển sản phẩm nông nghiệp phù hợp với điều kiện thế mạnh từng địa phương và đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Trong thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, từng giai đoạn cụ thể cần đánh giá, sơ kết để từ đó đưa ra phương hướng chỉ đạo thực hiện, xác định nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình mới.

- Nâng cao vai trò doanh nghiệp, hợp tác xã trong dẫn dắt phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Quan tâm công tác định hướng thị trường, mở rộng liên kết sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ.

- Giải quyết tốt vấn đề thị trường tiêu thụ nông sản là tiền đề thực hiện tái cơ cấu. Tổ chức lại sản xuất, hình thành các liên kết ngang và liên kết dọc là tiền đề thực hiện chuỗi giá trị bền vững.

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ, có trách nhiệm cao giữa các ngành, các đoàn thể và địa phương tăng hiệu quả trong vận động, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của cộng đồng trong phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững.

Phần thứ hai
Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong tái cơ cấu nông nghiệp
gắn với phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đưa sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn gắn với nhiệm vụ thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tiếp tục nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đẩy mạnh liên kết giữa sản xuất và thị trường, ứng dụng khoa học công nghệ; chuyên môn hóa, nâng cao thu nhập, đời sống của dân cư nông thôn; bảo vệ môi trường sinh thái gắn với xây dựng NTM; chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng những ngành hàng có giá trị, có thị trường mang lại hiệu quả cao cho sản xuất.

- Tích cực, chủ động tổ chức tốt sản xuất trong mọi điều kiện diễn biến phức tạp của thời tiết. Tập trung đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất nông nghiệp nông nghiệp sạch, nông nghiệp hướng hữu cơ và hữu cơ, nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao gắn với thị trường; hình thành các mô hình sản xuất tiêu biểu ở mỗi lĩnh vực sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, chế biến nông sản) và có truy xuất nguồn gốc; tái cơ cấu nông nghiệp gắn chặt chẽ với phát triển sản phẩm OCOP để đem lại giá trị gia tăng của sản phẩm. Khuyến khích doanh nghiệp, HTX tham gia tích cực vào các chuỗi liên kết sản xuất hàng hóa và phát triển cơ giới hóa nông nghiệp.

- Thay đổi tư duy phát triển, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy, chủ yếu là sản xuất lúa sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh,...

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu trên các sản phẩm chủ lực, gắn kết chuỗi sản phẩm hàng hóa từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị; chú trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ cho phát triển kinh tế nông nghiệp;

- Bảo đảm tính liên kết giữa các vùng, miền trong và ngoài huyện, ngoài tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tỷ lệ cơ cấu kinh tế của nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đạt 12,5%.

- Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đạt bình quân 2,5% năm.

- Giá trị sản phẩm thu hoạch 1 héc-ta đất trồng trọt và diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 260 triệu đồng/năm trở lên (tăng bình quân 2,7%/năm).

- Tổng giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt (giá SS năm 2010) đạt 1.520 tỷ đồng. Năng suất lúa bình quân hằng năm đạt 120 tạ/héc-ta/năm. Sản lượng lương thực bình quân đạt 125 tấn/năm.

- Tổng giá trị sản xuất lĩnh vực chăn nuôi (giá SS năm 2010) đạt 1.220 tỷ đồng. Tổng đàn lợn bình quân hằng năm (không kể lợn sữa) đạt 100 nghìn con. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng bình quân hằng năm đạt 32.000 tấn. Tổng đàn gia cầm 1,75 triệu con.

- Tổng giá trị sản xuất lĩnh vực thủy sản (giá SS năm 2010) đạt 1.440 tỷ đồng. Tổng sản lượng khai thác thủy sản bình quân hằng năm đạt 22.500 tấn. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản bình quân hằng năm đạt 24.500 tấn.

- Mỗi xã có ít nhất một HTX nông nghiệp đạt tiêu chí của xã NTM nâng cao giai đoạn 2026-2030.

+ Toàn huyện có 150 sản phẩm OCOP trở lên (mỗi năm phát triển thêm ít nhất 5 sản phẩm OCOP mới), trong đó có ít nhất 30 sản phẩm OCOP đạt từ 4 sao trở lên.

+ Hoàn thành 12/15 chỉ tiêu của Bộ tiêu chí giám sát đánh giá về tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Căn cứ kết quả tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP năm 2021-2025, các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn rà soát, đánh giá kết quả thực hiện và lập kế hoạch thực hiện các năm 2026-2030.

- Về trồng trọt: Tổ chức rà soát và đánh giá lại hiệu quả toàn bộ các vùng trồng trọt tập trung, xác định đối tượng chủ lực, thế mạnh của từng địa phương, trên cơ sở đó đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống theo hướng có chất lượng và giá trị hàng hóa cao, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Phát triển nhanh các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất lúa, rau quả, cây dược liệu như: Sản xuất lúa chất lượng cao, lúa giống, lạc đỏ, ổi lê, các loại rau, cây thìa canh, cây đinh lăng, sắn dây, nghệ,... theo tiêu chuẩn an toàn, hữu cơ, VietGap. Tiếp tục đẩy mạnh việc cơ giới hóa trong khâu sản xuất, thu hoạch.

- Về chăn nuôi: Lập thủ tục đầu tư, xây dựng trang trại chăn nuôi tại các vùng đã được quy hoạch, giảm tối đa chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ trong khu dân cư. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, đảm bảo chăn nuôi an toàn dịch bệnh; nhân rộng các cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chuẩn an toàn, an toàn dịch, VietGap; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong quản lý, chăm sóc tại các trang trại chăn nuôi. Tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị như: Sản xuất giống lợn, gia cầm, lợn sữa, lợn choai, lợn thịt, thỏ, trứng các loại.

- Về nuôi trồng thủy sản: Tổ chức rà soát và đánh giá lại hiệu quả toàn bộ các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, xác định đối tượng nuôi trồng chủ lực, thế mạnh của từng địa phương, trên cơ sở đó đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi; phát triển đối tượng nuôi trồng chất lượng và giá trị hàng hóa cao, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng và xuất khẩu; đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các vùng sản xuất và tham gia chuỗi liên kết cung ứng đầu vào, bao tiêu đầu ra cho người nuôi.

- Về khai thác hải sản: Phát triển khai thác thủy sản gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, giảm dần phương tiện khai thác ven bờ, phát triển tàu khai thác xa bờ theo hướng cải hoán, nâng cấp tàu cá để tăng hiệu quả kinh tế, giảm tổn thất sau thu hoạch, đáp ứng chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và xuất khẩu,... song song với đó phải tổ chức tốt công tác hậu cần và dịch vụ cho nghề cá.

- Phát triển sản phẩm OCOP: Tiếp tục phát triển các sản phẩm OCOP mới mang tính đặc trưng, thế mạnh của địa phương; tập trung nâng cấp các sản phẩm OCOP hiện có; đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, sản phẩm tiềm năng của địa phương.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp, HTX chuyên ngành.

- Tăng cường quản lý nhà nước về các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

III. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tuyên truyền triển khai thực hiện Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền thực hiện tái cơ cấu, phát triển các ngành hàng chủ lực của huyện (*gồm lúa gạo, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến thủy sản*) thông qua các mô hình, điểm trình diễn các giải pháp kỹ thuật sản xuất tiên tiến, các hội thảo, diễn đàn hỗ trợ kỹ thuật; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng chuỗi giá trị từng ngành hàng theo hướng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và ổn định sinh thái. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền để người dân nhận thức đúng và đầy đủ nội dung các chủ trương của Đảng, Nhà nước về thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP và xây dựng NTM. Tăng cường lồng ghép tuyên truyền gắn với xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả của các tổ chức, cá nhân; lồng ghép tuyên truyền với công tác biểu dương các cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan chuyên môn và các đoàn thể chính trị xã hội tổ chức thực hiện tuyên truyền đến từng hộ dân, để người dân hiểu, từng bước thay đổi mạnh mẽ phương thức sản xuất.

2. Tập trung phát triển nông nghiệp theo chiều sâu tạo nền tảng phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ có trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả

Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao giá trị và tăng thu nhập người sản xuất. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; giảm tỷ trọng giá trị trồng trọt và tăng tỷ trọng các giá trị chăn nuôi - thủy sản - dịch vụ nông nghiệp. Quan tâm công tác đào tạo nguồn nhân lực nông thôn, mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ và quy trình sản xuất. Phát huy tiềm năng, lợi thế về sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Chuyển từ tư duy phát triển theo diện tích, năng suất, sản lượng sang tư duy về giá trị và hiệu quả kinh tế đạt được trên đơn vị diện tích đất, từ đó cơ cấu lại các sản phẩm nông nghiệp theo thị trường và lợi thế so sánh. Huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng sản

xuất nông nghiệp theo quy hoạch. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM với trọng tâm phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn kết chặt chẽ với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Giữ vững và nâng chất các tiêu chí xây dựng NTM, hướng đến NTM nâng cao, kiểu mẫu và huyện NTM.

3. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất tập trung quy mô lớn

Nâng cao chất lượng công tác khuyến nông; xây dựng các mô hình liên kết sản xuất trong nông nghiệp theo hướng quy mô lớn, liên kết vùng tạo ra vùng nguyên liệu lớn, phát huy hiệu quả mô hình, gắn liên kết tiêu thụ - nâng cao giá trị ngành hàng và phải có khả năng nhân rộng. Triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản,...

Xây dựng và mở rộng các mô hình sản xuất mới, hiệu quả, liên kết chặt chẽ theo chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ,... giữa nông dân và thành phần kinh tế khác, trong đó doanh nghiệp là chủ lực để đưa nông nghiệp lên sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng. Các Hợp tác xã tăng cường liên kết hợp tác với các hệ thống siêu thị và các kênh phân phối khác, nhằm nhân rộng và đa dạng các mô hình liên kết, hợp tác trong sản xuất nông nghiệp tại các xã. Phát triển vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hình thành chuỗi giá trị phù hợp, phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, cùng địa phương tạo điều kiện cho phát triển kinh tế trang trại quy mô sản xuất hàng hóa lớn, theo hướng chuyên môn hóa. Chú trọng việc liên kết vùng nguyên liệu trong và ngoài huyện để xây dựng vùng nguyên liệu lớn phục vụ công nghiệp chế biến; tăng cường công tác giám sát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, an toàn vệ sinh thực phẩm. Triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản,...

4. Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển liên kết sản xuất

Đẩy mạnh phát triển, củng cố và kinh tế hợp tác, đặc biệt là hợp tác xã nông nghiệp thật sự đóng vai trò nòng cốt trong liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản cho nông dân. Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi kinh tế hợp tác phát triển, trọng tâm “xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường, phát huy tốt vai trò của hợp tác xã tham gia vào chuỗi và ứng phó với biến đổi khí hậu”.

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Hợp tác xã; hỗ trợ thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị thông qua hoạt động tuyên truyền quảng bá mô hình hiệu quả; tổ chức làm cầu nối để Hợp tác xã và doanh nghiệp liên kết với nhau phát triển các mô hình chuỗi giá trị nông sản chủ lực.

Triển khai thực hiện tốt các chính sách của tỉnh hỗ trợ khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp. Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, hỗ trợ các dự án, chương trình khởi nghiệp khu vực nông nghiệp nông thôn. Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn giải quyết việc làm, quỹ của các Hội, Đoàn thể để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây

trồng, vật nuôi, chuyển từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, phát triển thủy sản, chăn nuôi. Khuyến khích nông dân và doanh nghiệp trực tiếp đầu tư đổi mới phương thức sản xuất, công nghệ và thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và nâng cao giá trị tài nguyên bản địa của địa phương.

4. Xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu nông nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh chú trọng phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đảm bảo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần đối với cộng đồng dân cư. Thực hiện tốt nội dung này vừa rạo ra diện mạo mới cho nông thôn vừa thay đổi về vật chất, thể hiện điểm mạnh của Chương trình và thúc đẩy hỗ trợ cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Thực hiện tốt công tác chuyển dịch, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác, tìm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn,...; xúc tiến gắn kết giữa công nghiệp, dịch vụ với sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị sản xuất và nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân nông thôn.

Phát huy vai trò các cấp, các ngành trong hệ thống tổ chức phát triển nông nghiệp, nông thôn; thực hiện chỉ đạo thống nhất từ huyện đến các xã, thị trấn cũng như sự phối hợp chặt chẽ về mặt quản lý nhà nước giữa các ngành trong quá trình triển khai chuyển đổi cơ cấu sản xuất từng lĩnh vực và trong hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi để đảm bảo sự phát triển đồng bộ và bền vững.

Hoàn thành tốt các tiêu chí thủy lợi và phòng chống thiên tai, tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn của xã NTM, xã NTM nâng cao giai đoạn 2026-2030.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT

Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện tốt Kế hoạch; hàng năm tham mưu cho UBND huyện tổ chức sơ, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng kế hoạch cho những năm tiếp theo, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu kế hoạch. Phối hợp với ban, ngành huyện và UBND các xã, thị trấn theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện.

2. Các phòng chuyên môn của huyện

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, hàng năm chủ động đề xuất với UBND huyện về các nội dung liên quan đến tái cơ cấu ngành nông nghiệp để cụ thể trong kế hoạch hàng năm; đồng thời phân công cán bộ phụ trách phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT triển khai, đôn đốc thực hiện các nội dung có liên quan do đơn vị quản lý, báo cáo UBND huyện (*qua phòng Nông nghiệp và PTNT*).

3. UBND các xã, thị trấn: Căn cứ Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện giai đoạn 2026-2030 để xây dựng kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp cho mỗi xã, thị trấn phù hợp với tình hình điều kiện của địa phương mình, triển khai thực hiện hiệu quả.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQ huyện, các tổ chức chính trị xã hội huyện

Phối hợp chặt chẽ với ngành nông nghiệp huyện và các xã, thị trấn đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, vận động các đoàn viên, hội viên tham gia tích cực và triển khai có hiệu quả các nội dung, giải pháp tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP huyện Hải Hậu giai đoạn 2026-2030.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Qua đánh giá hiệu quả, giá trị kinh tế các ngành hàng chủ lực của huyện trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, cho thấy các ngành hàng: Lúa gạo, chăn nuôi, khai thác hải sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản là ngành hàng có hiệu quả kinh tế cao. Do đó, để thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong những năm tới đạt hiệu quả cao, UBND huyện kiến nghị:

- UBND tỉnh xem xét, đầu tư vào những ngành hàng chủ lực của huyện trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp để lãnh đạo đầu tư phát triển, nâng cao giá trị sản phẩm.

- Các Sở, ngành chuyên môn tỉnh hỗ trợ kêu gọi doanh nghiệp đầu tư dự án chế biến nông sản trên địa bàn, thực hiện liên kết với nông dân, hợp tác xã từ khâu thu mua - chế biến các loại nông sản theo chuỗi giá trị.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với và phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn huyện Hải Hậu./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cơ quan, đơn vị liên quan;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, NN.

(để b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Văn Kỳ

Phụ lục 1**Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản của tái cơ cấu nông nghiệp
gắn với phát triển sản phẩm OCOP huyện Hải Hậu năm 2021-2025***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /02/2025 của UBND huyện)*

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2020	Kế hoạch thực hiện					Kết quả thực hiện				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (dự kiến)
1. Tỷ trọng ngành nông nghiệp- thủy sản (%)	(%)	21,45	17,00	15,76	14,54	13,38	12,28	28,11	23,17	21,39	20,02	18,8
2. Tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp- thủy sản (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	3.487	3.581	3.681	3.788	3.908		3.594	3.700	3.810	3.966	4.000
Trong đó: - Nông nghiệp	Tỷ đồng	2.434	2.490	2.547	2.602	2.664		2.471	2.543	2.602	2.686	
- Thủy sản	Tỷ đồng	1.049	1.087	1.131	1.182	1.241		1123	1.157	1.203	1.280	
3. Giá trị thu nhập 01 ha đất canh tác (bao gồm cả diện tích đất trồng trọt và diện tích NTTS)	Triệu đ /ha/năm	180	198	205	214	222	230	199	205	215	223	230
4. Năng suất lúa cả năm (tạ/ha)	Tạ/ha	128	120	120	120	120	120	128,77	129,59	129,66	130,94	130
5. Tổng đàn lợn (không kể lợn sữa- con) thời điểm 01/10 hàng năm	Con	123.841	136.869	139.127	141.394	143.500	145.680	134.043	120.800	95.512	98.620	113.137
6. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng	Tấn	22.314	23.347	23.688	24.080	24.438	24.813	23.819	22.123	30.257	31.568	31.600
7. Tổng đàn gia cầm	1.000 con	1.550	1.650	1.733	1.819	1.950	2.200	1,49	1,59	1.570	1.603	1.600
8. Sản lượng khai thác hải sản	Tấn	20.915	22.320	23.213	23.909	24.770	25.761	20.515	21.760	21.453	22.574	23.000
9. Số tàu khai thác xa bờ (chiều dài 15m trở lên)	Tàu	199	220	240	265	285	300	195	192	195	211	211
10. Sản lượng NTTS	Tấn	17.152	17.886	18.548	19.104	19.868	20.564	19.564	20.340	22.544	23.706	23.700

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2020	Kế hoạch thực hiện					Kết quả thực hiện				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (dự kiến)
11. Diện tích NTTS thâm canh và bán thâm canh	Ha	650	715	780	870	950	1.000	715	740	760	780	800
12. Số trang trại đáp ứng quy định Luật Chăn nuôi	Trang trại	24	29	39	44	49	53	29	39	73	83	83
13. Xây dựng mô hình tái cơ cấu nông nghiệp		203	385	496	618	766		390	519	598	686	700
- Mô hình liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm	Số liên kết	29	29	31	35	40	50	29	31	38	45	47
- Mô hình ứng dụng TBKT mới vào sản xuất:		84	253	341	448	550	984	268	361	433	494	520
Trong đó: + Mô hình gieo mạ khay, cấy lúa bằng máy	Số máy cấy	37	57	82	107	135	165	67	81	95	107	110
+ Mô hình sản xuất trồng trọt, nắm theo tiêu chuẩn ATTP	Số mô hình	7	10	13	16	20	25	15	15	18	32	32
+ Mô hình sản xuất trồng trọt theo tiêu chuẩn hữu cơ	Số mô hình	0	2	4	6	8	10	2	6	8	10	11
+ Mô hình chăn nuôi trang trại theo tiêu chuẩn Vietgap	Số mô hình	7	9	12	14	17	20	9	11	6	1	1
+ Mô hình nuôi tôm trong nhà bạt	Số hộ	20	25	30	35	40	45	30	37	55	60	65
+ Mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm (nuôi trong bể)	Số hộ	20	30	40	50	70	100	28	45	46	47	50
+ Mô hình ứng dụng tin học trong NTTS (camera giám sát và hệ thống điều khiển	Số ao, đầm	80	120	160	220	260	300	120	164	150	150	155

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2020	Kế hoạch thực hiện					Kết quả thực hiện				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (dự kiến)
máy móc thiết bị ao nuôi từ xa)												
+ Mô hình thuần dưỡng cá vược nước mặn lợ để nuôi trong ao nước ngọt; mô hình nuôi cua rôc, cua rạm									2	5	10	12
- Xây dựng vùng chăn nuôi tập trung xa khu dân cư	Số vùng	2	3	4	5	6	7	3	3	3	3	3
- Xây dựng cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản được cấp giấy chứng nhận mức ATTP trở lên	Số cơ sở, HTX...	88	100	120	130	170	200	90	124	85	84	85
- Chuyển đổi linh hoạt diện tích làm muối kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản hoặc trồng màu	Ha		0	15	30	45	62	0	0	0	0	0
14. Phát triển sản phẩm OCOP (tính theo lũy tiến qua các năm)		70	75	80	85	90	95	82	89	108	123	128
- Nâng sao cho sản phẩm từ 3 sao lên 4 sao cho các sản phẩm đã được công nhận OCOP	Số sản phẩm	0	5	14	26	35	40	4	1	8	13	15
- Nâng sao cho sản phẩm từ 4 sao lên 5 sao	Số SP	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	1
+ Phát triển sản phẩm mới	Số SP		5	10	15	20	25	12	19	38	53	58

Phụ lục 2
Hoàn thành 11/15 chỉ tiêu của Bộ tiêu chí giám sát đánh giá
về tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025

(Chỉ tiêu của Trung ương: Hoàn thành ít nhất 9/15 chỉ tiêu của Bộ tiêu chí giám sát đánh giá về tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /02/2025 của UBND huyện)

TT	Tên và nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Toàn quốc	Hải Hậu năm 2024
1	Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	%/năm	≥ 2,5	3,27
2	Tốc độ tăng giá trị gia tăng lĩnh vực trồng trọt	%/năm	≥ 1,8	1,85
3	Tốc độ tăng giá trị gia tăng lĩnh vực chăn nuôi	%/năm	≥ 3,5	1,82
4	Tốc độ tăng giá trị gia tăng lĩnh vực thủy sản	%/năm	≥ 3,3	11,31
5	Tốc độ tăng giá trị gia tăng lĩnh vực lâm nghiệp	%/năm	≥ 4,5	0
6	Tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản	%/năm	≥ 8	9
7	Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản	%/năm	≥ 7	11
8	Tỷ lệ giá trị sản phẩm NLTS được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ (Đến năm 2025)	%	≥ 30	21
9	Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương (Đến năm 2025)	%	≥ 25	32
10	Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông sản ứng dụng công nghệ cao (Đến năm 2025)	%	≥ 20	8
11	Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả (Đến năm 2025)	%	≥ 80	84,3
12	Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước (Đến năm 2025)	%	≥ 35	100
13	Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận (Đến năm 2025)	%	≥ 30	100
14	Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo (Đến năm 2025)	%	≥ 55	65
15	Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi lợn trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch (Đến năm 2025)	%	≥ 70	100

